

Bản án số: 847/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 8- 2020

V/v : “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 637/2020/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: 69/4C ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Mai Anh H, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: 69/4C ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2020, bản tự khai ngày 03/7/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông H tự nguyện chung sống với nhau năm 2005 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu năm 2005.

Sau khi cưới, vợ chồng bà về sống 69/4C ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 02/2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là ông H ghen tuông, đánh đập, xúc phạm bà. Bà và ông H ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay. Nhận thấy mâu

thuần vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về con chung: có 01 trẻ Mai Minh T, sinh ngày 14/12/2005. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ T và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có

- Về nợ chung: không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Mai Anh H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị H tự nguyện tổ chức cưới năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu năm 2005.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc tại 69/4C ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến tháng 12/2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng cãi nhau do ông có ghen vợ, tháng 4 năm 2020 bà H bỏ về quê sinh sống. Nay bà H yêu cầu ly hôn, do ông vẫn còn tình cảm với bà H nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 trẻ Mai Minh T, sinh ngày 14/12/2005. Nếu ly hôn, ông đồng ý để cho bà H trực tiếp nuôi trẻ T, ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: không có.

Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: vì đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư ngụ tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo các qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông H tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 103, quyển số 04 do Ủy ban nhân dân V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 12/9/2005 thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà H: Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông H. Bà H khai mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 4 năm 2020. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H ghen tuông, đánh đập, xúc phạm bà.

Tòa án đã động viên, hòa giải để vợ chồng bà H, ông H trở về đoàn tụ nhưng bà H không đồng ý, có nguyện vọng được ly hôn. Hội đồng xét thấy, bà H và ông H đã xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau vì ông H ghen tuông, xúc phạm, đánh đập bà H nên bà H đã bỏ về quê sống từ tháng 04 năm 2020 sống đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã động viên bà H trở về đoàn tụ gia đình nhưng bà H vẫn cương quyết ly hôn, không còn tình cảm, hiện nay bà H đã về quê sinh sống, có cuộc sống riêng. Nhận thấy đời sống chung vợ chồng của bà H, ông H đang ở trong tình trạng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[4] Xét yêu cầu của ông H: Tại phiên tòa, ông H thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, có cãi nhau vì ông H ghen tuông, bà H đã bỏ về quê. Nhưng ông H không đồng ý ly hôn vì ông H vẫn còn tình cảm với bà H. Hội đồng xét thấy ông H không đồng ý ly hôn với bà H nhưng từ khi bà H bỏ về quê cho đến nay, ông H có điện thoại cho bà H để về nhà mà sống nhưng bà H vẫn cương quyết không đồng ý. Ông H cũng không còn cách nào khác để vợ chồng hàn gắn, chứng tỏ bà H đã không còn tình cảm với ông H, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ 02 phía. Do không còn tình cảm, không còn tiếng nói chung nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được đoàn tụ của ông H.

[5] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, bà H và ông H có 01 con chung tên Mai Minh T, sinh ngày 14/12/2005. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ T và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét ý kiến của ông H nếu ly hôn ông H đồng ý giao trẻ T cho bà H nuôi dưỡng, ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng. Tại bản tự khai trẻ T có nguyện vọng sống với bà H. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H được nuôi trẻ T, ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có.

Về nợ chung: Đương sự khai không có.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm về phần thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà Nguyễn Thị H phải chịu.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, ông Mai Anh H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Mai Anh H.

2. Về con chung: Giao trẻ tên Mai Minh T, sinh ngày 14/12/2005 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi, ông Mai Anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 (bốn triệu) đồng. Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực cho đến khi trẻ T tròn 18 tuổi.

Vì lợi ích của con chung, sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Không có

4. Nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà bà H đã nộp theo biên lai số 0078194 ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Mai Anh H phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Học Môn;
- Chi Cục THADS H.Học Môn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Phụng